

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

-----0o0-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2012
(Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012)

Nhơn Trạch, Tháng 10 năm 2012

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

1200 EAST 58TH STREET
CHICAGO, ILLINOIS 60637



UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS
50 EAST LAKE STREET
CHICAGO, ILLINOIS 60601

UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

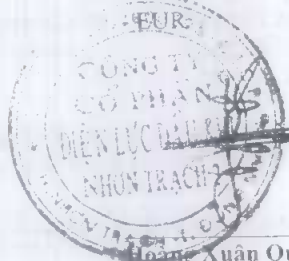
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.236.238.818.329	1.915.753.325.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		63.846.668.335	28.710.621.943
1. Tiền	111	4	63.846.668.335	28.710.621.943
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		989.384.349.756	437.801.815.184
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	989.384.349.756	437.801.815.184
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		998.467.697.376	1.229.505.566.672
1. Phải thu khách hàng	131	6	473.909.181.942	136.180.072.802
2. Trả trước cho người bán	132		2.486.233.916	29.299.507.639
3. Các khoản phải thu khác	135	7	528.296.577.710	1.064.025.986.231
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(6.224.296.192)	-
IV. Hàng tồn kho	140		182.627.955.400	181.210.013.298
1. Hàng tồn kho	141	8	182.627.955.400	181.210.013.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.912.147.462	38.525.307.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.093.347.596	9.499.996
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		594.589.866	38.271.807.984
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		224.210.000	244.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.644.979.875.409	12.557.041.056.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	-
II. Tài sản cố định	220		10.312.690.489.596	11.066.427.286.240
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.168.668.259.525	10.980.469.827.719
- Nguyên giá	222		11.169.031.120.747	11.201.196.368.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.000.362.861.222)	(220.726.540.858)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	144.022.230.071	85.957.458.521
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	3.218.159.150	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.921.840.850)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.290.288.473.663	1.479.473.770.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.290.288.473.663	1.479.473.770.464
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		13.881.218.693.738	14.472.794.381.781

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
		30/09/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	11.136.482.940.515	11.695.558.975.718
I. Nợ ngắn hạn	310	2.451.885.219.348	2.412.749.559.814
1. Vay ngắn hạn	311 14	1.134.880.577.263	1.162.373.439.872
2. Phải trả người bán	312	511.055.254.771	485.661.466.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 15	16.658.898.782	2.541.118.404
4. Phải trả người lao động	315	7.173.628.225	8.503.411.323
5. Chi phí phải trả	316 16	746.943.270.923	743.620.426.195
6. Các khoản phải trả khác	319 17	31.346.375.295	6.276.353.270
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.827.214.089	3.773.344.730
II. Nợ dài hạn	330	8.684.597.721.167	9.282.809.415.904
1. Vay dài hạn	334 18	8.679.950.787.974	9.278.162.482.711
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400	2.744.735.753.223	2.777.235.406.063
I. Vốn chủ sở hữu	410 19	2.744.735.753.223	2.777.235.406.063
1. Vốn điều lệ	411	2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	163.455.502.290	163.455.502.290
3. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416	(32.870.025.338)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	20.055.769.998	19.512.572.631
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420	34.094.506.273	34.267.331.142
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	13.881.218.693.738	14.472.794.381.781

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.264,4	883.087,83
- EUR		204,38	225,83



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 15 tháng 10 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/9/2011
1. Doanh thu thuần về bán hàng	10	20	3.877.177.033.774	-
2. Giá vốn hàng bán	11	21	(3.486.532.387.967)	-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		390.644.645.807	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	123.750.573.682	27.496.013.928
5. Chi phí tài chính	22	24	(471.831.730.479)	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(273.473.380.584)	-
6. Chi phí bán hàng	24	25	(241.095.175)	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(34.590.688.588)	(24.387.497.068)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.731.705.247	3.108.516.860
9. Thu nhập khác	31		20.840.544.270	-
10. Chi phí khác	32	27	(25.734.646.319)	(1.210.348.869)
11. Lợi nhuận khác	40		(4.894.102.049)	(1.210.348.869)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.837.603.198	1.898.167.991
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	(474.541.998)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.837.603.198	1.423.625.993



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 15 tháng 10 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/9/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/9/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.837.603.198	1.898.167.991
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	779.689.084.000	928.216.087
Các khoản dự phòng	03	14.146.137.042	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(50.140.132.843)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(65.807.606.146)	(27.496.013.928)
Chi phí lãi vay	06	273.473.380.584	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	954.198.465.835	(24.669.629.850)
Tăng các khoản phải thu	09	265.236.458.119	(106.477.152.289)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	(1.417.942.102)	(175.627.296.367)
Tăng các khoản phải trả	11	(15.621.477.537)	365.275.141.778
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	188.101.449.201	(104.150.419.633)
Tiền lãi vay đã trả	13	(194.916.789.379)	(129.689.317.005)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.211.473.680)	(823.572.029)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.413.361.341)	(2.927.421.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.190.955.329.116	(179.089.666.873)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(64.735.040.356)	(1.683.643.246.750)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(551.582.534.572)	-
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	-	893.259.443.409
4. Thu lãi tiền gửi	27	63.081.729.249	26.427.592.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(553.235.845.679)	(763.956.211.118)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.147.346.999.787
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(602.583.496.168)	(1.173.039.810.630)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(602.583.496.168)	974.307.189.157
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	35.135.987.269	31.261.311.166
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	28.710.621.943	15.070.108.688
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	59.123	(987.296.620)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	63.846.668.335	45.344.123.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012
đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

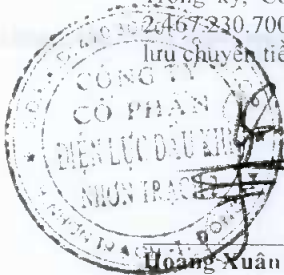
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong kỳ không bao gồm số tiền 5.172.476.393 đồng (2011: 2.446.599.496 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 2.467.230.700 đồng và 543.197.367 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền trong kỳ nên không bao gồm trong báo cáo trên.



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 15 tháng 10 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 09 năm 2012

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2012 là 165 người (năm 2011: 165 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết, bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn và khoản phải thu dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, các khoản lỗ này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012
đến ngày 30 tháng 9 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ**Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản